

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Hải Thành, ngày 26 tháng 9 năm 2023

BIÊN BẢN

Về việc niêm yết công khai các nội dung theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ GD và Đào tạo

Hôm nay, hồi 14 h ngày 26 tháng 9 năm 2023

Tại: Trường THCS Hải Thành

Đã tiến hành lập biên bản niêm yết công khai các nội dung theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ GD và Đào tạo

Bằng hình thức: Niêm yết trên bảng tin của nhà trường

Thành phần lập biên bản:

- 1- Đ/c: Đặng Thị Mầu – Hiệu trưởng
2. Đ/c: Nguyễn Thị Chi – Phó HT
3. Đ/c: Nguyễn Văn Tạng – Chủ tịch CD
4. Đ/c: Lương Thị Thanh Hương – NV

Nội dung:

Trường THCS Hải Thành đã tiến hành niêm yết công khai các nội dung theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ GD và Đào tạo

(Có biểu mẫu kèm theo)

Thời gian niêm yết công khai: Từ 26/9/2023 đến 26/10/2023

Biên bản lập xong hồi 15 h 00 phút cùng ngày, những người có liên quan cùng thống nhất thông qua./.

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ



Đặng Thị Mầu

THƯ KÝ

Lương Thị Thanh Hương

Biểu mẫu 09

(Theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT

ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ GD và ĐT)

UBND QUẬN DƯƠNG KINH
TRƯỜNG THCS HẢI THÀNH

THÔNG BÁO

Công khai cam kết chất lượng giáo dục phổ thông
năm học 2023 – 2024

(Kèm theo biên bản niêm yết công khai ngày 26 tháng 9 năm 2023
của Trường THCS Hải Thành)

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Điều kiện tuyển sinh	- Học bạ gốc (ảnh) - Bản sao công chứng Giấy khai sinh - Giấy chứng nhận HTCTTH - Đơn xin nhập học	Đủ điều kiện lên lớp 7	Đủ điều kiện lên lớp 8	Đủ điều kiện lên lớp 9
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Theo chương trình giáo dục phổ thông 2018	Theo chương trình giáo dục phổ thông 2018	Theo chương trình giáo dục phổ thông 2018	Theo chương trình quy định của SGD & ĐT Hải Phòng
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	- Phối hợp chặt chẽ giữa gia đình và nhà trường: +Họp PHHS 3 lần/năm học; + Thông tin kịp thời qua sổ liên lạc điện tử - Học sinh có thái độ học tập nghiêm túc, đúng đắn, tích cực.	- Phối hợp chặt chẽ giữa gia đình và nhà trường: +Họp PHHS 3 lần/năm học; + Thông tin kịp thời qua sổ liên lạc điện tử - Học sinh có thái độ học tập nghiêm túc, đúng đắn, tích cực.	- Phối hợp chặt chẽ giữa gia đình và nhà trường: +Họp PHHS 3 lần/năm học; + Thông tin kịp thời qua sổ liên lạc điện tử - Học sinh có thái độ học tập nghiêm túc, đúng đắn, tích cực.	- Phối hợp chặt chẽ giữa gia đình và nhà trường: +Họp PHHS 3 lần/năm học; + Thông tin kịp thời qua sổ liên lạc điện tử - Học sinh có thái độ học tập nghiêm túc, đúng đắn, tích cực.

IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	- Hoạt động ngoại khóa - Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp - Sinh hoạt chuyên đề, Hội thảo, hội thi,...	- Hoạt động ngoại khóa - Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp - Sinh hoạt chuyên đề, Hội thảo, hội thi,...	- Hoạt động giáo dục NGLL - Hoạt động ngoại khóa - Hoạt động trải nghiệm - Sinh hoạt chuyên đề, Hội thảo,...	- Hoạt động giáo dục NGLL - Hoạt động ngoại khóa - Hoạt động trải nghiệm - Sinh hoạt chuyên đề, Hội thảo,...
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- Năng động - Hạnh kiểm Tốt 96%; Khá 4% - Học tập tích cực, chủ động: Tốt: 36%; Khá: 48%; Đạt: 16%; Chưa đạt: 0% - Sức khỏe: Tốt	- - Năng động - Hạnh kiểm Tốt 96%; Khá 4% - Học tập tích cực, chủ động: Tốt: 36%; Khá: 48%; Đạt: 16%; Chưa đạt: 0% - Sức khỏe: Tốt	- Năng động - Hạnh kiểm Tốt 96%; Khá 4% - Học tập tích cực, chủ động: Tốt: 36%; Khá: 48%; Đạt: 16%; Chưa đạt: 0% - Sức khỏe: Tốt	- Năng động - Hạnh kiểm Tốt 96%; Khá 4% - Học tập tích cực, chủ động: Tốt: 36%; Khá: 48%; Đạt: 16%; Chưa đạt: 0% - Sức khỏe: Tốt
VI.	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Tiếp tục học lên lớp 7	Tiếp tục học lên lớp 8	Tiếp tục học lên lớp 8	Tiếp tục học lên lớp 10 THPT và các loại hình khác

Hải Thành, ngày 26 tháng 9 năm 2023



Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)

Đặng Thị Mẫu

UBND QUẬN DƯƠNG KINH
TRƯỜNG THCS HẢI THÀNH

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục phổ thông năm học 2022-2023

(Kèm theo biên bản niêm yết công khai ngày 26 tháng 9 năm 2023

của Trường THCS Hải Thành)

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	603	188	141	152	122
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	96,2%	94%	95,7%	96,5%	100%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	3,8%	6	4,3%	3,95%	0%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	603	188	141	152	122
1	Giỏi-Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	41,75%	31,3%	36,2%	46,1%	46,7%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	40,3%	53,6%	51,1%	41,4%	40,2%
3	Trung bình- Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	17,95%	16,1%	12,7%	12,5%	13,1%
4	Yếu – không đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm học	603	188	141	152	122
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	100%	100%	100%	100%	100%
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)		31,3%	36,2%	46,1%	46,7%
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)		53,6%	51,1%	41,4%	40,2%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ/ tổng số)	10/11	3/1	3/4	2/3	2/3
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi HS giỏi					
1	Cấp tỉnh/thành phố					
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế					
V	Số học sinh dự xét tốt nghiệp	122				122
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	122				122
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	46,7%				46,7%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	40,16%				35,5%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	13,11%				17,8%
VII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	292/30	93/95	76/65	62/90	66/56
VIII	Số học sinh dân tộc thiểu số	3	2			1

Hải Thành, ngày 26 tháng 9 năm 2023



Đặng Thị Mẫu

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục phổ thông,
năm học 2023 – 2024
(Kèm theo biên bản niêm yết công khai ngày 26 tháng 9 năm 2023
của Trường THCS Hải Thành)

ST T	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học		Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	16	1,35
2	Phòng học bán kiên cố	0	0
3	Phòng học tạm	0	0
4	Phòng học nhờ	0	0
5	Số phòng học bộ môn	8	1,8
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	1	
7	Bình quân lớp/phòng học	16/16	
8	Bình quân học sinh/lớp	696/16	43,5
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	7348	10,6
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	2890	4,15
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	54	1,2
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	72	1,4
3	Diện tích phòng chuẩn bị (m ²)	32	0,7
3	Diện tích thư viện (m ²)	72	1,4
4	Diện tích nhà tập đa năng (sân tập) (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	300m ²	0
5	Phòng Hội trường	102	0,3
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	8	0,7 Số bộ/lớp
1	Khối lớp 6	2	0,66
2	Khối lớp 7	2	0,66
3	Khối lớp 8,9	4	1
4	Khu vườn sinh vật, vườn địa lí (diện tích/thiết bị)	1	0,09
5			
VII I	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	28	2 học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	5	

2	Cassette	2	
3	Đầu Video/đầu đĩa	2	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	11	11/11
5	Thiết bị khác...		
..			

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	
XI	Nhà ăn	

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	0
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	x		x		0,2
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Quyết định số 07/2007/QĐ-BGĐT ngày 02/4/2007 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu)

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet (ADSL)	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Hải Thành, ngày 26 tháng 9 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



Đặng Thị Mẫu

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	28		2	26				1	25		12	12		
I	Giáo viên	22			20				7	15		8	11		
	Trong đó số GV dạy môn:														
1	Toán	4			4					4		2	2		
2	Lý	1			1					1			1		
3	Hóa	1			1					1			1		
4	Sinh	1			1					1		1			
5	CN	1			1					1			1		
6	TD,GDTC	1			1					1			1		
7	Văn	4		2	2				2	2		1	2		
8	Sử	1			1				1			1			
9	Địa	1			1					1			1		
10	GDCD	1			1					1		1			
11	Nhac	1			1					1			1		
12	Mỹ thuật	1							1				1		
13	Ngoại ngữ	4			4				1	3		2	2		

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	C Đ	T C	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Giáo viên Trong đó số GV dạy môn:														
14	Tin	1			1				1				1		
II	Tổng phụ trách	1			1					1			1		
II	Cán bộ quản lý	2			2					2		2			
1	Hiệu trưởng				1					1		1			
2	P. hiệu trưởng				1					1			1		
III	Nhân viên	2													
1	NV văn thư														
2	NV kế toán				1										
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế														
5	NV thư viện				1										
6	NV thiết bị, thí nghiệm														
7	NV hỗ trợ GD người khuyết tật														
8	Nhân viên công nghệ thông tin														

Hải Thành, ngày 16 tháng 9 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)



HIỆU TRƯỞNG
Dương Thị Mẫu